

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Tập 1

Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Cảnh Mỹ, [Đài Bắc], Đài Loan

Bài giảng thứ nhất - Tháng 12 năm 1983

Số lưu trữ: 08-004-0001

Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng

(Nguyễn Minh Tiến dịch)

Trong khóa tu Phật thất Quán Âm lần này, để có sự tương ứng giữa học tập và hành trì nên trong suốt 7 ngày, mỗi ngày đều sẽ có 4 giờ nghe giảng kinh và 4 giờ xưng niệm thánh hiệu Bồ Tát [Quán Thế Âm].

Trong lúc nghe giảng kinh, mỗi người đều có bản sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành của Pháp sư Đại Nghĩa đời nhà Thanh đặt trước mặt. Sau khi hoàn tất Pháp hội này, bản kinh đó sẽ được tặng cho quý vị mang về để kết duyên.

Cho nên, trong lúc nghe giảng kinh, tốt nhất là quý vị nhìn vào trong bản kinh của mình để theo dõi. Nếu thấy chỗ nào quan trọng cần lưu ý thì có thể [dùng bút] ghi chú thẳng vào đó, vì tương lai bản kinh ấy sẽ là của quý vị mang theo về nhà.

Khi chuẩn bị giảng kinh, chúng tôi sẽ giới thiệu sơ qua với quý vị về tiêu đề của kinh. Đề kinh nằm trong quyển thượng, và cả hai quyển thượng, hạ đều đã sẵn có trước mặt quý vị. Để bắt đầu đi vào giảng giải, trước hết tôi sẽ liệt kê những điểm đại cương. Phần đại cương này cũng đã được cung cấp đến cho quý vị rồi.

Tiêu đề kinh nằm trong quyển thượng, ở trang 130. Quý vị có thể mở quyển kinh ra, tìm đến trang 130, xem ở dòng thứ 5: “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”.

Phần chú giải của Pháp sư Đại Nghĩa quả thật rất đáng ngợi khen xưng tán. Bản chú giải này có tên gọi là “đại thành”, nghĩa là thành tựu lớn, hàm ý là Pháp sư đã sưu tập tất cả những chú giải của người xưa mà hợp thành bản chú giải này.

Về phương thức chú giải của Pháp sư thì không theo thông lệ của tông Thiên Thai, mà chọn phép “Thập môn khai khái” của tông Hoa Nghiêm, trong phần huyền nghĩa chúng ta có thể thấy được điều đó.

Lần này chúng tôi sẽ không giảng giải phần huyền nghĩa, bởi vì không đủ thời gian. Việc giảng kinh trong khóa tu này chỉ có 12 lượt, mỗi lượt được 2 giờ đồng hồ. Cho nên chúng ta đành phải lược bớt đi phần giảng giải về huyền nghĩa.

Nhưng về đề kinh thì nhất thiết phải giảng giải. Đi vào giải thích đề kinh, xin mời quý vị mở đến trang 132. Xin mở ra trang 132, xem đến hàng cuối cùng, trong đó có chữ “diệu” (妙), nghĩa là màu nhiệm, huyền diệu. “Diệu thị năng tán chi từ - 妙字是能讚之辭”. (Chữ diệu này là từ ngữ có thể dùng để xưng tán, khen ngợi.) Tiếp theo xem đến chữ “pháp” (法). Chữ “pháp” thì cũng tại trang này nhưng xem ngược từ bên trái qua ở hàng thứ tư, trong câu cuối hàng là chữ thứ tư [từ dưới lên]. “Pháp tức thập giới thập như quyền thật chi pháp - 法即十界十如權實之法”. (Pháp tức là pháp quyền và thật của mười giới và mười như.) Đó là đề mục thảo luận trung tâm trong kinh Pháp Hoa. “Mười giới” tức là mười pháp giới, “mười như” tức là mười như thị. Trong toàn bộ kinh Pháp Hoa, ý nghĩa giảng giải không ra ngoài pháp quyền và pháp thật của mười pháp giới và mười như thị.

Lại nêu mang những ý nghĩa của pháp ấy mà quy nạp thì không ra ngoài ba pháp. Ba pháp đó là “chúng sinh pháp, Phật pháp và tâm pháp”.

“Ba pháp ấy vốn chỉ là một tâm”, trong đó tâm pháp là thể, còn chúng sinh pháp và Phật pháp đều là tượng, là dụng. Giác ngộ thì gọi là Phật pháp, si mê thì gọi là chúng sinh pháp.

Chúng ta xem qua đồ biểu giảng giải. Đồ biểu này, do người vẽ không thấu triệt ý nghĩa giáo pháp nên trong đó có nhiều nét vẽ không đúng.

Chẳng hạn như về tâm pháp, chúng ta xem thấy trên đồ biểu phía sau có dấu ngoặc cong mà đường thẳng vẽ quá ngắn, lẽ ra phải nối tiếp [đường vẽ] tâm pháp đến chỗ đó, vì tâm là thể.

Khi giác ngộ được tâm pháp thì tâm đó gọi là Phật pháp. Khi mê lầm tâm pháp thì tâm đó gọi là chúng sinh pháp. Vậy có thể thấy rằng, pháp vốn chỉ có một, lẽ nào lại có hai? Cho nên cả ba pháp [chúng sinh pháp, Phật pháp và tâm pháp] vốn chỉ là một tâm.

Phần bên trong dấu ngoặc nói rằng: “Kinh này là tâm tông của chư Phật.” Vì nhấn mạnh nơi tâm pháp nên mới có thể được tôn xưng là “vua trong các kinh, đứng đầu Tam tạng”. Ý nghĩa chính là ở chỗ này.

Khởi đầu phương tiện giảng giải, trước tiên phải giải thích về chữ “pháp”, sau đó sẽ tiếp tục nói rõ về sự màu nhiệm của pháp như thế nào.

Trước hết nói về chúng sinh pháp. Quý vị xem ở trang 133, hàng đầu tiên, có câu: “Chúng sinh pháp, đó là do mê lầm mà có.” Chúng sinh pháp từ đâu mà có? Chính là do mê lầm tâm pháp mà sinh ra, do mê lầm mà có. “Vì không hiểu rõ pháp chân như là một.” Hiểu rõ có nghĩa là thấu triệt, sáng tỏ, [mê lầm] là vì chúng ta không thấu triệt rằng pháp chân như là một. Quý vị nghĩ xem, đối với người chân chánh thấu triệt thì hiểu rõ, trong kinh Hoa Nghiêm dạy rằng pháp giới là một, không có hai, chỉ có một thì mới gọi là chân thật, gọi là pháp giới nhất chân. Nếu là hai thì đó là hư vọng, không phải chân thật. Pháp giới vốn xưa nay chỉ là một chân thật.

Nhưng làm sao để có thể thấu triệt được pháp chân như là một? Điều này phải khởi sự công phu từ tâm mình, chính là như trong kinh A-di-đà đã nêu pháp “nhất tâm bất loạn”. Nhất tâm là chuyên tâm, là tâm chân thật. Pháp giới hiển lộ từ tâm chuyên nhất đó gọi là pháp giới nhất chân.

Cho nên, nếu muốn chứng đắc pháp giới nhất chân, cũng gọi là thể nhập cảnh giới vô ngại của Hoa Nghiêm, thì nhất thiết phải có tâm chuyên nhất. Do đó mà biết rằng, điểm quan trọng nhất trong sự tu tập hành trì chính là ở chỗ “nhất tâm bất loạn”.

Sự mê lầm của kẻ phàm phu chính là mê lầm để mất tâm chuyên nhất, cho nên ở trong một pháp giới mà nhìn thấy ra là vô lượng pháp giới.

Bên dưới lại giảng câu: “Mê vọng thọ nhận năm uẩn, sắc với tâm.” Thọ nhận là nói sự cảm nhận, cảm thọ nhận biết. Năm uẩn, như thường giảng trong Tâm kinh, là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn, nếu quy kết lại đều không ngoài hai pháp là hình sắc và tâm thức. Hình sắc là nói chung về vật chất, còn tâm thức hiện nay gọi là tinh thần. Đối với vật chất và tinh thần, quý vị vẫn có đủ mọi loại cảm thọ. Hết thảy những cảm thọ ấy đều là hư vọng, không chân thật.

Lại giảng tiếp: “Tuy bị lớp áo nhiễm ô ràng buộc”, đó là nói đến vô lượng vô biên phiền não vô minh; “mà tánh ấy xưa nay vẫn thanh tịnh nhiệm màu”. Nghĩa là chúng ta tuy bị những phiền não vô minh trói buộc ràng rịt, nhưng chân tánh của chúng ta vẫn chưa từng mất đi, vẫn luôn giữ nguyên sự thanh tịnh, vẫn luôn như trong kinh Pháp Hoa giảng đủ về mười sự nhiệm màu của bản môn và tích môn.

Trong hết thấy các Kinh điển rất ráo Đại thừa, đức Phật vẫn thường luôn vì chúng ta khai thị ý nghĩa chân tâm không sinh không diệt, nói rõ về cảnh giới của chúng ta, thật ra vẫn là thanh tịnh tịch diệt. Chúng ta được nghe những điều này thì có người tin nhận, có người không tin, cũng có người nửa tin nửa ngờ. Nhất định phải tự mình chứng nghiệm được cảnh giới đó mới có thể gọi là niềm tin chân chánh. Mục đích của đức Phật khi thuyết dạy cũng là hy vọng chúng ta nhờ đó có thể chứng đắc.

Phần sau còn mấy câu nữa, ở hàng thứ tư [từ bên trái sang] cũng trong trang 133, chúng ta bắt đầu xem từ chữ thứ ba. “Chúng sinh do mê lầm không biết.” Đó là nói chúng sinh không thấu triệt rõ ràng tướng thật của các pháp. “Như Lai ra đời vốn là vì khai mở chỉ bày cho chúng sinh sự thấy biết vốn thanh tịnh nhiệm màu.” Đây là nói rõ về lý do, nguyên nhân vì sao đức Phật xuất hiện ở thế gian này.

“Một khi sự thấy biết được khai mở.” Đây chính là nói đến chánh tri chánh kiến, Phật tri Phật kiến, như trong Phật pháp thường nhắc đến, còn trong kinh Pháp Hoa thì nói là “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”, nghĩa là khai mở chỉ bày [cho chúng sinh] nhận hiểu và thể nhập chỗ thấy biết của Phật.

“Một khi chỗ thấy biết đã được khai mở thì hết thấy hình sắc đều là hình sắc Phật, hết thấy âm thanh đều là âm thanh Phật.” Câu này mô tả cùng một cảnh giới giống như trong kinh Hoa Nghiêm nói là “hết thấy chúng sinh vốn đã là Phật”, cũng như nói “hết thấy các loài hữu tình cùng vô tình đều thành tựu trí tuệ trọn vẹn”.

Đến lúc nào thì chúng ta mới có khả năng thể nhập vào cảnh giới như thế? Điều này theo như lời dạy của Bồ Tát Quán Thế Âm thì sau khi dứt trừ được sáu gút thắt của sáu căn, chứng được ba nghĩa không, cảnh giới này sẽ tự nhiên hiển hiện trước mắt. Đây cũng chính là ý nghĩa trong Tâm kinh gọi là “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, nghĩa là quán xét thấy năm uẩn đều là không.

Nếu như hỏi rằng, vị Bồ Tát rốt ráo đạt đến địa vị ấy là địa vị nào? Nói theo kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa thì đó chính là địa vị Bồ Tát Sơ trụ trong Viên giáo. Đó là chúng ta chỉ y theo những kinh điển Viên giáo Nhất thừa, cho nên nhìn theo Viên giáo thì đó là địa vị Sơ trụ viên mãn.

Nhưng nếu theo pháp môn Niệm Phật mà nói, thì khi đạt được “nhất tâm bất loạn” chính là địa vị Sơ trụ viên mãn. Cho nên, trong chỗ “nhất tâm bất loạn”, cũng tức là đạt được tâm chuyên nhất, thì trong cảnh giới ấy cũng có sự sâu cạn

chẳng đồng. Điều này chúng ta thấy nói đến rất nhiều trong các Kinh điển Đại thừa.

Từ sau địa vị Sơ trụ, tu hành thẳng đến quả Phật Như Lai vẫn còn 41 quả vị nữa, hết thấy đều nằm trong cảnh giới tâm chuyên nhất. Do đó có thể biết rằng, trong cảnh giới tâm chuyên nhất, tuy cũng đều là đạt được sự nhất tâm, nhưng mức độ sâu cạn, khác biệt nhau rất lớn. Đó là nói chỗ thấy biết thật tướng các pháp của vị Bồ Tát Sơ trụ.

Nói ra những điều này đối với người sơ học như chúng ta, cũng không phải là không có tác dụng. Thật ra là có tác dụng rất lớn. Khi chúng ta thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa này rồi thì mới hiểu được mục đích tu hành của chúng ta là gì, định hướng tu tập như thế nào, phải nỗ lực dụng công như thế nào, hiện nay ta đang ở cảnh giới nào, và vì sao chúng ta không thể đạt đến chỗ thấy biết chân thật như chư Phật.

Chỗ thấy biết chân thật của chư Phật chính là “hết thấy chúng sinh vốn đã là Phật” và “hết thấy các loài hữu tình cùng vô tình đều thành tựu trí tuệ trọn vẹn”. [Trong sự tu tập,] chúng ta phải thường xuyên nêu lên vấn đề này. Nếu suy đi nghĩ lại cho thật kỹ lưỡng, ta sẽ thấy được nguyên do là vì chúng ta đã mắc phải một căn bệnh hết sức nặng nề. Đó là trong bất kỳ cảnh giới nào, chúng ta cũng luôn luôn khởi tâm động niệm, phân biệt bám chấp.

Quý vị thử nghĩ xem, phải làm thế nào mới đạt được tâm chuyên nhất? Trong hết thấy mọi hoàn cảnh, chúng ta đều không ngăn được sự phân tích phán xét, tâm lúc nào cũng bị ngoại cảnh xoay chuyển, đó gọi là chúng sinh pháp. Nếu như không lìa bỏ được chúng sinh pháp, vậy thì làm sao có thể chứng đắc Phật pháp? Lìa bỏ, không có nghĩa là chúng ta phải né tránh, xa lìa hết thấy chúng sinh pháp giới. Vì sao vậy? Vì chúng sinh pháp giới cùng với Phật pháp giới vốn chỉ là một, không phải hai pháp giới khác nhau. Chúng ta làm sao có thể né tránh, xa lìa?

Vậy phải làm sao để lìa bỏ? Phải từ trong nội tâm mà lìa bỏ, nghĩa là ngay trong cảnh giới chúng sinh mà lìa bỏ được hết thấy mọi sự phân biệt bám chấp. Đó là Phật pháp.

Nếu như ở trong chúng sinh pháp mà khởi lên sự phân biệt bám chấp thì Phật pháp cũng biến thành chúng sinh pháp. Lìa bỏ được mọi sự phân biệt bám chấp thì chúng sinh pháp liền biến thành Phật pháp.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, trong Phật pháp nói như thế nào, điều này quý vị đặc biệt phải rõ biết, đó là Phật pháp với chúng sinh pháp vốn là một pháp,

chẳng phải hai pháp khác nhau. Chúng ta hãy nói về mê và ngộ, khởi tâm động niệm gọi là mê, ở trong mọi cảnh giới không khởi tâm, không động niệm thì gọi là ngộ.

Về việc này, khi chúng ta đọc vào kinh văn, quý vị cần phải suy xét kỹ lưỡng. Bởi vì phẩm Phổ Môn này quý vị rất thường tụng đọc, quen thuộc quá nên có nhiều người bỏ qua không nhận biết được ý nghĩa quan trọng nhất nằm ở mấy câu phía trước. Đó là nói việc giữa chúng ta với Bồ Tát Quán Thế Âm làm thế nào đạt được sự cảm ứng, làm thế nào để cùng hợp nhất với Bồ Tát, thì sau đó mới có thể hiểu được 12 đại nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm, mỗi một đại nguyện đều là chân thật không hư dối.

Ở chỗ này, [chúng ta xem trong sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành, trang 133, dòng thứ hai từ bên trái qua, bắt đầu ở chữ thứ 10 từ trên xuống]: “Nói về Phật pháp thì Phật là bậc thánh nhân đại giác ngộ, giác ngộ pháp thế gian và xuất thế gian xưa nay vốn đều tịch tĩnh vắng lặng.” Không chỉ pháp xuất thế gian xưa nay vốn tịch tĩnh vắng lặng, mà ngay cả pháp thế gian cũng xưa nay vốn tịch tĩnh vắng lặng.

Những gì là pháp thế gian? Đó là hoàn cảnh sống hiện nay của chúng ta, là thân và tâm của chúng ta, là hoàn cảnh con người và sự việc, hoàn cảnh vật chất nơi ta đang sống. Hết thấy những điều ấy xưa nay vốn đều thanh tịnh, tịch tĩnh vắng lặng.

Vậy tại sao chúng ta hiện nay vẫn luôn cảm thấy muôn trùng phiền não, nghiệp chướng sâu nặng? Vì sao lại cảm thấy như vậy? Đó là vì quý vị đang mê lầm.

Hết thấy phiền não, nghiệp chướng đều không có thật. Mà không chỉ riêng phiền não, nghiệp chướng, cho đến hết thấy quả báo cũng đều không có thật, chỉ như những điều trong mộng mà thôi. Bởi vì quý vị đang trong giấc mộng, không tỉnh thức. Nếu tôi nói với quý vị rằng những cảnh trong mộng đó đều là thanh tịnh, hết thấy đều thanh tịnh, tịch tĩnh vắng lặng, liệu quý vị sẽ tin hay không tin? Nhưng khi quý vị tỉnh giấc rồi, nhớ lại mọi việc thì liền tin nhận điều đó. Vì sao vậy? Vì những điều trong mộng thấy đều là hư vọng không thật. Vậy ngay trong lúc nằm mộng đó, có cảnh mộng nào lại thực ra không phải là thanh tịnh, không phải là tịch tĩnh vắng lặng?

Hết thấy những cảnh trong mộng ấy đều là từ không hóa có, nên có tức là không. Chỉ vì quý vị trong lúc nằm mộng không tự biết là mình đang nằm mộng, nên cho rằng những cảnh trong mộng ấy là chân thật, nên mới từ nơi những cảnh

mộng ấy mà khởi sinh sự phân biệt, sự bám chấp. Từ đó mới tạo thành nghiệp, rồi chịu khổ não, chịu quả báo.

Chư Phật, Bồ Tát ở trong thế gian này của chúng ta giác ngộ được điều gì? Các ngài giác ngộ được rằng hết thấy y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới của chúng ta chẳng qua cũng chỉ là một giấc mộng mà thôi. Cho nên các ngài ở trong những cảnh giới này không hề khởi tâm, không hề động niệm, không phân biệt, không bám chấp. Các ngài trụ yên trong pháp giới nhất chân, trụ yên trong cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn. Như vậy cho nên gọi là mẫu nhiệm, không thể nói hết.

Chúng ta hiện nay tu hành như thế nào? Nói thật ra, từ vô thủy kiếp đến nay chúng ta tu hành đều không thể nhập vào cảnh giới [giải thoát]. Vì sao không thể nhập được? Bởi vì trước sau chúng ta vẫn luôn cho cảnh giới hiện tại này là chân thật, ngay trong đó hư vọng khởi sinh phân biệt bám chấp, khởi tâm động niệm. Nói cách khác, chúng ta tu hành từ vô thủy kiếp đến nay, cứ nói là tu theo Phật pháp, kỳ thật thấy đều là theo chúng sinh pháp, đã có lúc nào từng học qua Phật pháp đâu? Nếu có lúc học qua Phật pháp, ắt phải hồi quang phản chiếu, tự soi rọi lại mình, như thế chỉ trong một niệm đã có thể thành Phật rồi.

Do đó có thể biết rằng, chúng ta đem tâm phân biệt bám chấp, đem tâm ý thức mà học pháp Đại thừa, học Phật pháp Nhất thừa, thì những pháp Đại thừa, Nhất thừa đó cũng đều hóa thành pháp thế gian.

Đại sư Thanh Lương giảng giải điều này rất rõ. [Ngài dạy,] nếu dùng tâm ý thức (tức là tâm phân biệt bám chấp) để tu học Phật pháp thì kết quả chỉ làm tăng trưởng tà kiến mà thôi. Còn nếu liả bỏ Kinh điển rồi dùng tâm ý thức để tu thiền định, nghĩa là nói chung việc tu định, bất kỳ học theo pháp môn nào, thì hết thấy cũng đều chỉ làm tăng trưởng vô minh.

Ví như trong pháp hội 7 ngày này của chúng ta, nếu chúng ta không tổ chức giảng kinh, cũng không khai thị, mọi người đều chỉ đến đây để niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chỉ sợ rằng đại đa số trong quý vị [tham dự khóa tu này] chỉ làm tăng trưởng vô minh mà thôi.

Còn như mỗi ngày chỉ giảng kinh mà không niệm Phật, mỗi ngày đều chỉ tư duy suy diễn văn tự trong kinh, thì như vậy chỉ làm tăng trưởng tà kiến.

Chúng ta hiện nay thì cả hai việc như trên đều có. Nếu cả hai việc đều làm không tốt thì đó là vừa tăng trưởng vô minh lại vừa tăng trưởng tà kiến, quả thật là rắc rối to! Cho nên nhất định phải nhận hiểu đúng, trong việc này phải có sự

khéo léo đúng mực. Nếu quý vị hiểu đúng được ý nghĩa này thì nghe giảng kinh sẽ tăng trưởng trí tuệ, niệm Phật sẽ dứt trừ vô minh. Công đức như vậy là hết sức thù thắng, là không thể nghĩ bàn. Như vậy mới đích thật là giảng giải Phật pháp. Chúng ta phải ghi nhớ những câu này.

[Chúng ta xem tiếp dòng cuối cùng của trang 133:] “Tánh tướng thường trụ, theo nghiệp mà hiện ra mười pháp giới sai khác.” Câu này nói về nguyên nhân khởi sinh ra mười pháp giới, nói rõ cho chúng ta biết ý nghĩa chân thật. Trong pháp chân thật thì tánh tướng thường trụ, biến hiện ra mười pháp giới trang nghiêm, đó đều là theo nghiệp mà hiện ra. Ý nghĩa này đức Phật đã dạy rất rõ trong kinh Lăng-nghiêm. Trước đây tôi cũng đã rất nhiều lần giảng giải kinh Lăng-nghiêm.

Hai câu tiếp theo [sang trang 134] hết sức quan trọng: “Chín pháp giới đều là quyền hiện, riêng Phật pháp giới là chân thật.” Do đó, đối với chín pháp giới chúng ta đều không được khởi tâm phân biệt bám chấp, như vậy mới có thể nhập vào Phật pháp giới.

Hai câu tiếp theo đối với chúng ta theo hiện tại mà nói là hết sức trọng yếu. Vì sao vậy? Chúng ta rốt lại vẫn chưa thể buông bỏ được vọng tưởng bám chấp, thực sự chưa buông bỏ được. Chưa buông bỏ được thì vẫn là phàm phu. Đã là phàm phu thì nhất định phải khởi sinh mê hoặc, tạo nghiệp rồi rơi vào luân hồi, cho nên hai câu sau đây đối với chúng ta là hết sức trọng yếu: “Nếu như tạo nhân xấu ác nặng nề nhất thì phải chịu quả báo nơi địa ngục.” Địa ngục là từ đâu mà có? Vốn thật xưa nay không có, chỉ do chính trong tâm ta biến hiện mà có. Không phải do Phật, Bồ Tát hay vua Diêm-la tạo ra địa ngục, rồi khi quý vị tạo nghiệp xấu ác liền bắt quý vị đưa vào trong đó chịu tội. Không phải vậy! Địa ngục không hề có thật, chỉ là do chính trong tâm quý vị biến hiện ra thôi.

Quý vị có thể không tin điều này. Bây giờ chúng ta thử xét qua một thí dụ. Ví như trong tâm độc ác, thường nghĩ đến chuyện làm hại người khác thì quý vị sẽ mơ thấy ác mộng. Trong mộng sẽ thấy có người xấu ác làm hại quý vị. Không phải quý vị làm hại người khác rồi bị người khác làm hại, mà là quý vị ắt phải có ác mộng. Bằng như trong lòng quý vị chỉ thuần lương, hiền thiện, quý vị sẽ mơ thấy những giấc mơ lành. Còn nếu trong tâm hoàn toàn thanh tịnh thì quý vị sẽ không nằm mơ.

Quý vị đã biết rằng những giấc mộng ấy đều do tâm biến hiện ra. Xin thưa với quý vị, hết thấy mười pháp giới cũng đều do tâm biến hiện. Địa ngục cũng là do tâm biến hiện, ác quỷ cũng là do tâm biến hiện. Không một pháp nào lại không

do tâm của quý vị biến hiện. Cho nên trong việc tu hành thì khẩn thiết và quan trọng nhất chính là tu tâm.

Thế nào là việc ác nặng nề nhất? Thế nào là việc ác hạng giữa? Ở đây không thể giảng giải chi ly cùng quý vị, nhưng trong chú sớ có đủ, quý vị nên tự mình tìm đọc.

“Người làm việc ác hạng giữa chịu quả báo trong cảnh ngạ quỷ. Người làm việc ác hạng nhẹ chịu quả báo trong cảnh súc sinh. Tu tập việc thiện nhỏ thì được sinh làm người. Tu tập việc thiện hạng giữa sinh làm a-tu-la.” Đoạn này dùng chữ “thú” (趣), chúng ta cũng gọi là “đạo” (道), chỉ con đường, cảnh giới nơi tái sinh. A-tu-la là chỉ chư thiên a-tu-la, còn gọi là bán thần. “Người tu tập việc thiện cao nhất”, là nói những người được sinh về các cõi trời.

“Giảng thuyết pháp Tứ diệu đế, chứng quả Thanh văn. Giảng thuyết pháp nhân duyên, chứng quả Bích-chi.” Bích-chi cũng tức là quả vị Duyên giác.

“Giảng thuyết pháp sáu ba-la-mật, chứng quả Bồ Tát. Chín cảnh giới ấy đều là quyền hiện, không thể gọi là màu nhiệm.” Sự màu nhiệm đó chỉ được dùng để chỉ cảnh giới Phật. Hay nói cách khác là chỉ cho pháp giới nhất chân, đó mới gọi là màu nhiệm. Cho nên tiếp theo có câu: “Chỉ Phật mới có khả năng cứu xét tận cùng tướng chân thật của các pháp”, đó mới gọi là màu nhiệm.

Chúng ta lại xem đến phần “tâm pháp”, nằm ở trang 134, hàng cuối cùng. “Nói về tâm pháp thì trong mười pháp giới có muôn ngàn sai biệt, thấy đều do một tâm tạo ra.”

Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy rằng: “Nên quán tánh pháp giới, hết thấy do tâm tạo.” Tâm thức như vậy thật rất khó thấu hiểu rõ ràng. Cho nên trong nhà thiền thường nói: “Nếu người hiểu được tâm, khắp cõi đất chẳng còn chút đất.” Thành Phật cũng chính là hiểu được tâm, thấu triệt rõ ràng tâm này.

Tâm nằm ở đâu? Tâm là như thế nào? Đó là vấn đề hết sức quan trọng. Kinh Lăng-nghiêm ngay từ đầu đã nêu vấn đề này. [Ngài A-nan] chỉ tâm bảy chỗ, cuối cùng vẫn không tìm được tâm ở chỗ nào. Trong mười lượt chỉ bày, đức Phật dạy chúng ta rằng tâm chính là căn tánh của sáu căn.

Căn tánh của sáu căn cũng không dễ thấu triệt. Căn tánh đó là tận cùng hư không, biến khắp pháp giới, không chỉ là nói tánh thấy của chúng ta ở nơi con mắt. Nếu nói như vậy sẽ là sai lầm, quý vị sẽ không cách nào thể hội được ý nghĩa. Vì nếu tánh thấy thực sự ở trong con mắt, thì khi mắt bị mù, tánh thấy đó

cũng phải mất đi. Quý vị đọc kinh Lăng-nghiêm thì thấy, con mắt vốn có sinh ra, có mất đi, còn tánh thấy thì không sinh không diệt.

Cho nên ngài A-nan tìm không ra tâm ở chỗ nào. Chân tâm là cùng tận hư không, biến khắp pháp giới, mà vọng tâm cũng là cùng tận hư không, biến khắp pháp giới. Hẳn quý vị sẽ hỏi, vọng tâm thì sao cũng cùng tận hư không, biến khắp pháp giới? Đó là vì chân với vọng vốn chẳng phải hai, giác ngộ là chân, mê lầm là vọng. Mê lầm thì gọi là thức a-lại-da, giác ngộ gọi là chân như bản tánh. Chỉ là thay đổi tên gọi, chẳng phải thay mê thành ngộ. Chỉ là thay đổi tên gọi mà thôi.

“Tâm ấy có thể là tánh, có thể là tướng.” Tánh là bản thể, tướng là tướng trạng mà tâm có thể biểu hiện. Cũng giống như chúng ta mỗi đêm nằm mộng, những giấc mộng không giống nhau. Tâm có thể tạo thành mộng đó chỉ là một tâm, mà những giấc mộng được tạo thành đó [đều khác nhau]. Quý vị đâu có bao giờ thấy lại cùng một giấc mộng giống hệt như nhau? Lại đâu có mấy ai nằm mộng giống hệt như người khác? Chuyện như vậy thật rất hiếm có.

Tâm có thể biểu hiện thành tướng. Tâm có thể hiện tướng ấy vốn chỉ là một, nhưng hình tướng cảnh giới biểu hiện ra thì vô lượng vô biên. Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, tất cả đều là cảnh giới từ tự tâm của chúng ta biểu hiện.

“Có thể là phàm, có thể là thánh.” Khi quý vị mê muội thì tâm biểu hiện là tướng phàm phu. Một khi giác ngộ rồi thì tâm biểu hiện là tướng Phật, tướng Bồ Tát. Hết thấy cũng đều chỉ là một tâm ấy mà thôi.

“Có thể là thiện, có thể là ác.” Một niệm từ bi thì tâm là hiền thiện. Một niệm sân hận, lập tức muôn ngàn cánh cửa nghiệp chướng mở ra.

“Có thể thành Phật, có thể làm chúng sinh.” Tâm có thể thành Phật, cũng có thể thành chúng sinh trong chín pháp giới.

Do đó có thể biết rằng, tự tâm này của chúng ta quả thật có muôn ngàn phẩm tính, muôn ngàn năng lực. Tâm có muôn ngàn phẩm tính, muôn ngàn năng lực, vậy phải xem chúng ta tự mình vận dụng tâm ấy như thế nào. Chư Phật, Bồ Tát vận dụng rộng khắp không ngăn ngại, cho nên có thể tùy chủng loại hóa thân, chẳng hạn như 32 ứng hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Quý vị có thể hỏi rằng, làm sao chư Phật, Bồ Tát có được năng lực lớn lao như thế? Đó là vốn đã như vậy, như trong kinh thường nói “pháp vốn là như vậy”. Pháp vốn như vậy là nói xưa nay vốn tự đầy đủ năng lực như vậy. Đức Phật đã dạy chúng ta rõ ràng minh bạch, hoàn toàn không phải năng lực ấy chỉ riêng ngài

có được, mà là hết thấy chúng sinh đều có đủ, đều có đủ phẩm tính, trí tuệ, hình tướng Như Lai. Hết thấy chúng sinh đều có tâm thức. Đã có tâm thức thì nói cách khác, có chúng sinh nào lại không có năng lực như vậy? Chúng ta vốn có năng lực như vậy mà không biết sử dụng, đó mới gọi là oan uổng.

Vì sao không biết sử dụng? Chúng ta hãy đọc tiếp sang hàng thứ hai sẽ thấy rất rõ ràng.

“Cho nên nói rằng, tâm như người họa sĩ, vẽ ra mọi hình tượng năm uẩn.” Câu này chính là trích từ kinh Hoa Nghiêm. Câu tiếp theo cũng rất quan trọng: “Chỉ vì người không chịu quán xét tâm.” Câu này nói rõ, sở dĩ Phật có thể thành Phật, Bồ Tát thành Bồ Tát, đều là do các ngài quán xét tâm.

Nguyên do Bồ Tát Quán Thế Âm tu hành thành tựu, quý vị có thể xem trong kinh Lăng-nghiêm. Trong đó nói rõ về phương pháp tu tập của ngài, chính là ngài đã quán xét tâm, gọi là: “Quay cái nghe lại để nghe tự tánh của mình, tánh ấy thành tựu đạo Vô thượng.” Nói “quay cái nghe lại” chính là nói việc quán xét tâm.

Phương pháp này, trong pháp hội này chúng tôi sẽ cùng quý vị đồng tu phân tích thảo luận thật chi tiết, vì đây chính là then chốt quan trọng trong sự tu hành. Nếu không thấu triệt rõ ràng thì bất kể quý vị có tu tập khổ nhọc đến mức nào, nói thật với quý vị, đó cũng chỉ là tu pháp chúng sinh, không thể có sự thành tựu.

Tu tập pháp chúng sinh tức là quý vị tu cầu phước báo trong hai cõi trời người. Nếu như phước báo của quý vị càng lớn thì phiền não càng nhiều. Đừng nói với tôi rằng người không có phước báo cũng có phiền não. Đây là tôi thấy rằng, người có phước báo lớn thì phiền não càng nhiều hơn. Đó là vì quý vị không lìa bỏ được pháp chúng sinh.

“Nếu có thể tu tập điều phục tâm mình, quán xét hết thấy các pháp xưa nay vốn không dao động, không lui sụt, không chuyển dời, đồng như hư không.” Trong sách chỗ này không ngắt câu, trong khi nghe giảng quý vị có thể khoanh vào làm dấu, vì bản sách này sẽ biếu tặng quý vị, khi học xong có thể mang về nhà.

“Không có thể tánh, quán xét tâm không thật có tâm, pháp không trụ nơi pháp, ngay nơi đó liền liễu ngộ, ngay nơi đó liền giải thoát, như tấm gương sáng lớn tròn đầy chiếu sáng khắp mười phương. Tâm pháp này thật mầu nhiệm biết bao!”

Câu này chính là đem hết thảy chỗ nhiệm màu của tánh thể, tướng trạng và tác dụng của tâm truyền đạt rõ ràng cho chúng ta, thực sự là rất màu nhiệm, màu nhiệm không thể nói hết.

“Phật không có pháp nào khác, ngay nơi tâm này là Phật. Tâm không tự điều phục được là tâm chúng sinh. Tâm, Phật và chúng sinh, ba pháp ấy đều không sai biệt.” Cho nên cả ba pháp này đều không thể nghĩ bàn. Cả ba pháp này đều là màu nhiệm.

Chỗ này tôi chỉ nói qua đại lược, quan trọng nhất là quý vị phải nhận hiểu thấu triệt được tính chất trọng yếu của tâm pháp. Hết thảy công phu ngày nay chúng ta có được đều nên vận dụng vào tu tập tâm pháp. Người biết dụng công tu tâm pháp sẽ được như Đại sư Thanh Lương khi giảng kinh Hoa Nghiêm đã nói là “lý và sự đều không ngăn ngại, cho đến sự với sự cũng không ngăn ngại”.

Nếu như quý vị cảm thấy nơi nơi đều có chướng ngại, đó là vì quý vị không biết cách vận dụng tâm. Người biết dùng tâm thì không có chướng ngại. Người không biết dùng tâm thì đâu đâu cũng thấy có chướng ngại.

Người biết vận dụng tâm thì ở bất cứ cảnh giới nào cũng đều thấy là thuận duyên tăng trưởng để tu tập điều phục tâm mình. Người không biết vận dụng tâm thì bất kỳ cảnh giới nào cũng đều hóa thành chướng ngại. Không chỉ nghịch cảnh mới là chướng ngại, mà thuận cảnh lại càng chướng ngại hơn. Vì sao vậy? Vì trong thuận cảnh quý vị sẽ khởi tâm tham đắm, khởi tâm keo kiệt tham tiếc nên không thể buông bỏ được. Cho nên sự chướng ngại của thuận cảnh lại càng lớn hơn so với nghịch cảnh.

Việc tu học Phật pháp trước tiên nên khởi đầu từ trong nghịch cảnh mà tu, trước tiên học theo khổ hạnh. Tôn giả Đại Ca-diếp là một tấm gương như vậy, ngài tu theo hạnh đầu đà khổ hạnh.

Khi đạt đến mức ở trong nghịch cảnh không còn chướng ngại, tâm được thanh tịnh, nên tiếp tục tu với thuận cảnh. Tu trong thuận cảnh có thể lấy Đồng tử Thiện Tài làm khuôn mẫu để noi theo. Quý vị xem, Đồng tử Thiện Tài sinh ra trong hoàn cảnh gia đình cho đến cây cỏ cũng hóa hiện thành vàng bạc, bảy món báu. Sự thị hiện của ngài là một thuận cảnh. Thuận cảnh đến viên mãn, trong thuận cảnh vẫn không động tâm, như vậy là thành Phật.

Có thể thấy rằng người biết tu tập tâm thì dù ở vào bất cứ hoàn cảnh nào, cảnh giới nào cũng đều là duyên tăng trưởng. Đối với bất kỳ hạng người nào, người hiền thiện, kẻ xấu ác, họ đều xem như bậc thiện tri thức, đều là Phật, Bồ

Tát. Còn đối với người không khéo tu tâm, xin thưa cùng quý vị, cho dù có Phật, Bồ Tát đến [thì đối với họ] cũng là ma, cũng là chướng ngại.

Ví dụ như khi quý vị niệm Phật, vừa sắp sửa đạt được tâm thanh tịnh, sắp được tâm chuyên nhất thì bỗng dưng thấy Phật A-di-đà, Bồ Tát Quán Thế Âm hiện ra trước mặt, liền khởi tâm hoan hỷ mừng vui, để mất định lực, tâm chuyên nhất tức thời không đạt được nữa. Phật A-di-đà với Bồ Tát Quán Thế Âm đó đều là ma, đến phá hoại tâm chuyên nhất của quý vị, công phu của quý vị liền mất đi, rốt lại không đạt được thành tựu.

Cho nên kinh Lăng-nghiêm dạy rằng, [trong khi thiền định] bất luận là cảnh giới nào hiện ra, hết thảy đều không được nhận lấy, chỉ giữ tâm thấy như không thấy, nghe như không nghe.

Khi quý vị quán xét tâm, nhất định không được buông bỏ công phu. Quán tâm như vậy là giống như Bồ Tát Quán Thế Âm “nhập lưu vong sở”, hết thảy âm thanh khi nghe vào tai đều không bám giữ. Quán xét tâm như vậy gọi là “nhập lưu”. Từ lúc mới phát tâm tu hành cho đến thành tựu quả Phật, hết thảy công phu vận dụng đều nằm trong hai chữ “nhập lưu” này. Nhập lưu tức là quay vào quán chiếu tự tâm, không hướng ra bên ngoài chạy theo các duyên vương mắc, chỉ quay vào quán chiếu trong tâm.

Một khi đánh mất công phu quán chiếu này thì tâm liền bị sự dẫn dắt xô đẩy của ngoại cảnh. Đó là căn bệnh nghiêm trọng nhất của người dụng công tu tập.

Phần tiếp theo nói rằng: “Bản môn với tích môn đều có đủ mười sự nhiệm màu.” Câu này nằm ở hàng cuối cùng trong trang 135. Chỗ này tôi chỉ giảng sơ qua với quý vị về ý nghĩa thế nào là bản, thế nào là tích.

Bản là nói về cảnh giới quả vị Phật. Phần trước có nói đến mười pháp giới, trong đó Phật pháp giới là bản, chín pháp giới còn lại gọi là tích. Phật có thể tự tại, có thể thị hiện không ngăn ngại trong chín pháp giới để làm lợi ích cho chúng sinh.

[Các pháp giới] bản và tích đều có đủ mười sự nhiệm màu. Mười là ý nghĩa biểu trưng, không phải con số cố định, vì muốn biểu thị đến vô lượng vô biên, không một pháp nào là không màu nhiệm. Vì có vô lượng vô biên các pháp, không thể nói hết nên quy kết về thành mười điều để nói đại lược mà thôi.

Trong mười sự [nhiệm màu] (thập diệu) này, sang trang 136 [và 137] chúng ta thấy đề cập đến “cảnh diệu, trí diệu, hành diệu, vị diệu, tam pháp diệu, cảm

ứng diệu...” Phần kinh văn chú sớ này quý vị có thể tự mình nghiên cứu, tự mình đọc lấy. Đối với những chỗ trọng yếu, tôi sẽ nêu ra để quý vị lưu ý.

Cảnh nghĩa là cảnh giới, có vô lượng vô biên cảnh giới. Trí là nói về trí tuệ. Trong Phật pháp nói đến Nhất thiết chủng trí là trí tuệ của quả vị Phật, cũng là có đủ trong chân tâm (hay tâm chuyên nhất) của mỗi chúng ta. Đó là trí tuệ chân thật. Trí tuệ ấy khi khởi sinh thành tác dụng thì gọi là đạo chủng trí, cũng gọi là hậu đắc trí, cũng gọi là quyền trí, tức là chỗ vận dụng của trí tuệ ấy vào đối tượng bên ngoài (tha thụ dụng). Khi tự vận dụng trí tuệ ấy cho chính mình (tự thụ dụng) thì là căn bản trí hay nhất thiết chủng trí.

Tự thụ dụng là như thế nào? Trong kinh Bát-nhã thường nói “Bát-nhã vô tri”, trí Bát-nhã không có chỗ biết. Đối với người khác mà nói thì tha thụ dụng là “vô sở bất tri”, không có điều gì không biết.

Nếu trong lòng quý vị có sự nghi hoặc, tự mình thụ dụng thì việc gì cũng biết, vận dụng cho người khác thì người khác không biết, còn mình thì việc gì cũng biết. Đó là mê muội, gọi là điên đảo thác loạn. Từ chỗ mê muội đó mà khởi sinh vô minh tam tối.

Cho nên trong kinh Lăng-nghiêm giảng giải rất hay. Tôn giả Phú-lâu-na thưa hỏi đức Phật Thích-ca Mâu-ni: “Sự vô minh của con là từ đâu mà có? Do nguyên nhân gì mà có vô minh?” Đức Phật trả lời, giải thích rất rõ ràng: “Từ chỗ thấy biết lập thành tri thức, đó là nguồn gốc của vô minh.” Căn bản của vô minh là từ chỗ đó. Chúng ta có trí tuệ, rồi chuyện gì cũng hiểu biết, đó chính là cội gốc của vô minh. Đối với chư Phật, Bồ Tát, quý vị đến hỏi thì các ngài không biết chuyện gì cả. Chúng ta đọc trong Lục Tổ Đàn Kinh, thấy có người đến thưa hỏi, Lục Tổ tự nói ngài không biết, chuyện gì cũng không hiểu.

[Trí tuệ của bậc giác ngộ] khi tự thụ dụng thì không biết gì, chẳng làm được gì, nhưng khi vận dụng cho người khác thì việc gì cũng biết, chuyện gì cũng làm được. Chúng ta phải nhận hiểu thấu triệt ý nghĩa hết sức sâu xa này.

Chúng ta muốn cầu trí tuệ thì nên cầu loại trí tuệ nào? Nên cầu trí tuệ không phân biệt. Nên cầu loại trí tuệ ấy, đó là trí tuệ chân thật. Cho nên bất kỳ phương pháp nào trong Phật pháp cũng đều dạy quý vị phải cầu được căn bản trí.

Căn bản trí làm sao cầu được? Căn bản trí đó chính là tâm thanh tịnh. Cho nên, quy kết đến chỗ rốt ráo lại cũng là nói đến “nhất tâm bất loạn”. Trong sự nhất tâm bất loạn có vô lượng vô biên trí tuệ, chỉ là trí tuệ ấy không khởi lên tác dụng, cho nên gọi là trí không phân biệt, trí ấy không khởi lên tác dụng. Nhưng

khi có người đến hỏi thì hỏi điều gì đáp điều ấy, đó gọi là hậu đắc trí, là tha thụ dụng, đó chính thật là không gì không biết. Bản thân người ấy trụ yên trong tâm thanh tịnh, trong sự an định, quý vị đến hỏi “làm được gì” thì vị ấy chẳng làm được gì cả. Vị ấy chỉ có thể vì người khác phục vụ, chỉ có thể làm thay cho mọi người, và khi biểu hiện ra bên ngoài thì không gì là không làm được.

Cho nên [phàm phu] chúng ta luôn lấy tha thụ dụng làm tự thụ dụng, lại lấy tự thụ dụng làm tha thụ dụng. Đó chính là điên đảo thác loạn.

Trong kinh Di-đà nói đến “nhất tâm bất loạn”, “tâm bất điên đảo”, những ý nghĩa ấy thật vô cùng sâu xa. Trí tuệ trong Phật pháp đều là được khai mở xuất phát từ tâm thanh tịnh, từ tâm thanh tịnh mà hiển lộ. Tu tâm thanh tịnh tất yếu phải tu trì giới luật, đó là nhờ có giới mà được định, nhờ có định mới khai mở trí tuệ. Không thể nói là không có định trí tuệ cũng khai mở được. Trí tuệ mà không khởi sinh từ định, trong Phật pháp gọi là “cuồng tuệ”, là trí tuệ điên cuồng. Trí này thuộc về thế trí biện thông, không phải trí tuệ Bát-nhã.

[Chúng ta đã giảng qua, thứ nhất là cảnh, thứ hai là trí,] đến thứ ba là hành. Hành tức là hành vi, tức là sự tạo tác. Hành vi phải dựa trên cơ sở là trí tuệ, cho nên hành vi như vậy là hành vi của trí tuệ. Trí tuệ ấy đã là mâu nhiệm, có lẽ nào hành vi này lại không mâu nhiệm? Cho nên trong sự tu hành thì quan trọng thiết yếu là tâm với hành. Tâm đã chân chánh thì [hành vi của] thân với khẩu tự nhiên cũng chân chánh. Đặc biệt Thiền tông Trung Hoa chú trọng việc khởi tu từ căn bản. Tu từ căn bản tức là từ nội tâm. Gần đây nhất, vị Quán trưởng của chúng ta đã thừa thỉnh giảng “Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa” cũng giúp chúng ta có được sự khai thị lớn lao. Sách này chỉ có 2 quyển, là bộ sách nhỏ thôi, nhưng đã nêu ra đại lược hết thảy những điểm cương yếu trong sự tu hành của Bồ Tát như tâm, hành, cảnh giới, lý luận, phương pháp...

Kinh Phạm Võng cũng là một kinh thuộc hệ thống Kinh điển Nhất thừa. Một số vị cổ đức khi phân chia giáo nghĩa đã cho rằng kinh điển Nhất thừa chỉ có 3 bộ là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Ba bộ kinh này thuộc về Nhất thừa. Hay nói cách khác, nếu chúng ta muốn tu tập cảnh giới của Hoa Nghiêm, cảnh giới của Pháp Hoa mà lìa bỏ Bồ Tát tâm giới trong kinh Phạm Võng thì cũng giống như muốn vào nhà mà không đi qua cửa.

Kinh Hoa Nghiêm trình bày các giai vị [chứng đắc], nhưng tuy nói có 41 giai vị, kinh này cũng dạy rằng “tu tập hành trì không chướng ngại sự viên dung, sự viên dung cũng không chướng ngại tu tập hành trì”. Cho nên, kinh này thuộc về Viên giáo.

Nội dung kinh Pháp Hoa càng nhiệm màu hơn, không rơi vào giai cấp, cũng giống như Đại sư Vĩnh Gia [Huyền Giác] từng đối đáp với Lục Tổ: “Không lạc vào giai cấp.” Câu này ở trang 137, hàng thứ nhất, theo sau một câu trước đó nữa, nên trọn cả hai câu là: “Nay trải qua giai vị viên mãn, không rơi vào giai cấp.” Như vậy chính xác là thuộc về Nhất thừa rốt ráo.

Chúng ta xem tiếp qua hàng thứ hai của trang 137, đề cập đến một vấn đề trọng yếu: “Ba pháp nhiệm màu.” Ba pháp ở đây tức là ba quy tắc. Quy tắc là khuôn mẫu, là đường hướng phải noi theo. Nói cách khác, nhất thiết phải noi theo đó, nếu lìa bỏ những quy tắc, đường hướng ấy tức là sai trái.

Trong mười sự nhiệm màu (thập diệu), đối với chín điều khác thì quý vị nhớ được cũng tốt, nhưng nếu không nhớ được cũng chẳng sao, chỉ riêng điều này thì nhất định phải ghi nhớ. Vì sao vậy? Vì đối với sự dụng công của quý vị thì đây chính là một đường hướng tu tập hết sức trọng yếu.

Quy tắc thứ nhất là quy tắc về chân tánh (chân tánh quỹ). Đây là điều kiện thứ nhất cần phải có trong sự tu tập. Chân tánh tức là chân tâm. Tôi thường giảng là lòng chân thật ngay thẳng trong tâm Bồ-đề. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật giảng là tâm chí thành. Người thế gian khi cúng bái thần thánh cũng thường nói “tâm chí thành ắt có sự linh ứng, tâm không chí thành thì không có linh ứng”. Chân tánh cũng chính là tâm chí thành. Không chỉ đối với người tu pháp xuất thế thì chân tánh là đường hướng tu tập trọng yếu nhất, mà ngay cả đối với sự học vấn, tu dưỡng của người thế gian thì đây cũng là điều quan trọng nhất. Như trong nền học vấn của Nho gia nói là “thành ý, chánh tâm”, chính là nói đến ý nghĩa này.

[Nho gia nói:] “Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm.” “Cách vật” chính là như chúng ta ở đây vừa giảng qua về “hành diệu”, tức sự màu nhiệm của hành vi. “Trí tri” chính là ở đây chúng ta vừa giảng qua về “trí diệu”, tức sự màu nhiệm của trí tuệ. “Thành ý, chánh tâm” tức là chúng ta giảng về “tam pháp diệu” như trên. [Nền học vấn của] Nho gia cũng rất tuyệt vời.

Đó là nói về sự dụng tâm, chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành. Bất luận là trong lúc đối xử với người khác hay ứng xử với sự việc, sự vật, đều phải dùng tâm chân thành. Ngay cả khi người khác luôn lừa gạt dối trá ta, chúng ta vẫn phải dùng tâm chân thành đối đãi với họ. Quý vị cần phải tự hỏi, người khác [làm như vậy là] cam tâm đo lường lạc trong sinh tử luân hồi, lẽ nào quý vị cũng giống vậy hay sao? Quý vị muốn thành Phật, muốn thành Bồ Tát, thì sự dụng tâm của quý vị không thể cũng [dối trá] như người khác. Thành Phật, Bồ Tát, thấu triệt

sinh tử, thoát khỏi luân hồi, chứng nhập pháp giới nhất chân, tất cả đều nhất định phải dùng tâm chân thành. Điều này quý vị không thể không hiểu rõ.

Bất kể người khác dùng tâm như thế nào để đối xử với chúng ta, ta cũng chỉ dùng duy nhất một tâm đối đãi với người, chỉ một tâm chân thành, nhất định không thay đổi.

Cho nên, quý vị học Phật phải có căn bản, phải có đủ điều kiện quan trọng thiết yếu nhất. Về mặt nhân duyên thì đây gọi là nhân duyên tự thân, cũng gọi là chủng tử Phật tánh.

Quy tắc thứ hai là quy tắc về quán chiếu (quán chiếu quĩ). Đây cũng là điểm quan trọng trong sự dụng công tu tập. Bất kể là quý vị tu học theo pháp môn nào, nhất định đều phải có công phu quán chiếu. Tu tập mà không có công phu quán chiếu thì quý vị sẽ trắng tay, không có thành tựu gì. Vì sao vậy? Vì không có quán chiếu thì không đạt định, không khai mở được trí tuệ. Không đạt định thì không thể đoạn dứt phiền não chướng. Không khai mở trí tuệ thì không thể phá trừ sở tri chướng. Hai chướng này không dứt trừ được thì vẫn là phàm phu trong sáu đường [luân hồi]. Cho nên, [tu tập] không thể không có sự quán chiếu.

Các bậc đại đức xưa dạy ta rằng, trong công phu tu hành có ba tầng bậc. Thứ nhất là quán chiếu. Bước lên tầng bậc thứ hai là chiếu trụ. Lên thêm một bậc nữa là chiếu kiến.

Ba loại công phu này vận dụng vào pháp môn niệm Phật thì [bậc thứ nhất] là niệm Phật đạt đến công phu thành khối, hoàn toàn chuyên nhất, đạt được kết quả “đời nghiệp vãng sinh”, sinh về cõi phàm thánh đồng cư [nơi thế giới Cực Lạc]. Nếu quý vị niệm Phật mà không có sự quán chiếu thì cho dù niệm Phật trong suốt một đời cũng không thể nào được vãng sinh.

Quý vị nên nhớ rằng, chúng ta không phải đến đời này mới học Phật. Chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ cũng đã từng tu tập pháp môn niệm Phật, nhưng chẳng có đời nào được vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở Tây phương. Nguyên nhân vì sao? Đều là vì trong khi niệm câu Phật hiệu không hề có công phu quán chiếu. Vì thế cho nên suốt đời niệm Phật, đời đời kiếp kiếp niệm Phật, những câu Phật hiệu đó đều hóa thành phước báo trong hai cõi trời người. Chúng ta phải hiểu rõ được điều này.

Chiếu trụ tức là đạt được Niệm Phật Tam-muội, đạt đến nhất tâm bất loạn về sự. Chiếu kiến tức là đạt nhất tâm bất loạn về lý. Cảnh giới này đồng với trong Tâm kinh gọi là “chiếu kiến ngũ uẩn giai không” (soi thấy năm uẩn đều là không),

cũng chính là cảnh giới Bồ Tát Sơ trụ của Viên giáo. Những điều này chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Nếu quý vị muốn nghiên cứu sâu vào ý nghĩa này, muốn thấu hiểu rõ ràng phương pháp này, theo tôi thì nên tìm đọc sách “Kim Cang Kinh giảng nghĩa” của cư sĩ Giang Vị Nông. Trong sách ông ấy giảng giải rất rõ ràng, đề cập được rất nhiều ý nghĩa.

Cho nên chúng ta nhất định phải hiểu rõ được ý nghĩa quán chiếu. Trong giai đoạn quán chiếu thì vẫn sử dụng tâm ý thức, cho đến chiếu trụ cũng là sử dụng tâm ý thức. Đến giai đoạn chiếu kiến thì không còn dùng tâm ý thức nữa, vì dùng tâm ý thức thì không thể chiếu kiến.

Thế nào là quán chiếu? Quán chiếu nghĩa là chúng ta thường xuyên tự mình đề khởi sự tỉnh giác. Đó là quán chiếu. Chẳng hạn như trong khi sáu căn của ta tiếp xúc với sáu trần cảnh, có sự khởi tâm động niệm, khởi tâm tham muốn, ngay khi đó liền lập tức niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật. Một câu Phật hiệu đó chính là đề khởi sự tỉnh giác trong công phu quán chiếu của chúng ta.

Chúng ta vì sao lại mê muội? Vì sao lại khởi tâm động niệm? Sao lại để tâm chạy theo trần cảnh bên ngoài? Một khi khởi lên câu Phật hiệu, liền mang được tâm ấy quay trở về. Đó chính là công phu quán chiếu. Không để tâm chạy đuổi theo cảnh bên ngoài, không hướng sự chú ý ra bên ngoài, mang tâm ấy quay trở lại bên trong. Cảnh giới bên ngoài vẫn sáng tỏ rõ ràng nhưng tâm không bị cảnh ấy xoay chuyển. Đó chính là công phu quán chiếu.

Công phu như vậy tuy [ban đầu] rất cạn cợt, nhưng vẫn phải thực hành, phải liên tục thực hành không ngừng nghỉ. Vì sao vậy? Vì một khi để mất sự quán chiếu như vậy thì tâm lập tức bị trần cảnh bên ngoài lôi kéo, dẫn dắt. Cho nên người xưa nói: “Không sợ niệm khởi,” niệm tức là vọng niệm, “chỉ sợ biết chậm.” Biết tức là tỉnh giác, rõ biết, tức là quán chiếu. Trong tâm nếu khởi một niệm bất an, một niệm sân hận, liền lập tức khởi niệm “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”. [Nghĩ tưởng đến] Bồ Tát Quán Thế Âm đại từ đại bi, lập tức tâm ý bình lặng, tánh khí ôn hòa, sân hận tự nhiên tiêu trừ. Cho nên [danh hiệu] Bồ Tát Quán Thế Âm có công đức lớn lao như vậy.

Danh hiệu chư Phật, Bồ Tát đều giúp cho quý vị trong sự quán chiếu. Những câu quan trọng trong kinh văn cũng giúp cho sự quán chiếu. Cho nên quý vị cần phải ghi nhớ.

Chúng ta khi ở trong mọi hoàn cảnh, nếu không buông xả được, bám chấp quá nặng nề, nên nhớ đến lời dạy trong kinh Kim Cang: “Hết thấy những gì có hình tướng đều là hư vọng.” Như vậy thì có gì mà không buông xả được? Lại nhớ đến câu: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng ảo, bọt nước.” Đã như vậy thì còn có gì để quý vị bám chấp? Một khi đã buông xả, không còn bám chấp, quý vị có thể thấy tâm thức như vậy thật tự do tự tại biết bao. Những vọng tưởng lo toan, nên hư được mất, liền lập tức tiêu trừ. Đó chính là quán chiếu.

Nếu thường xuyên đề khởi sự tỉnh giác quán chiếu thì quý vị nhìn xem trong cảnh giới có gì mà không tự tại? Trong phần trước đã giảng rõ với quý vị, thế nào gọi là biết vận dụng tâm? Biết vận dụng tâm chính là thường xuyên đề khởi sự tỉnh giác quán chiếu. Đó là biết vận dụng tâm. Người không biết vận dụng tâm thì sự tỉnh giác quán chiếu như vậy không thể khởi lên. Như vậy thì bất kể mỗi ngày có tụng đọc bao nhiêu bộ kinh, niệm bao nhiêu danh hiệu Phật, trong tâm cũng không có được công phu quán chiếu, mọi sự tu tập đều không có tác dụng, không thể dứt trừ phiền não, không thể khai mở trí tuệ, không thể thành tựu công đức.

Phần tiếp theo giảng về quy tắc thứ ba là giúp đỡ thành tựu (tư thành quỹ). Quy tắc này có nghĩa là bất kỳ hoàn cảnh, cảnh giới nào cũng đều giúp đỡ hỗ trợ, thành tựu cho sự tu tập của chúng ta, công đức không thể nói hết. Quý vị không nên cho rằng chỉ những nhân duyên lành mới giúp đỡ, hỗ trợ chúng ta được thành tựu. Thật ra những nhân duyên trái nghịch càng giúp ta thành tựu lớn lao hơn.

Trong kinh [Pháp Hoa] này, phẩm Đề-bà-đạt-đa, đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngợi khen xưng tán Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa là kẻ xấu ác, luôn ôm lòng mưu hại đức Phật, luôn mong muốn giết chết Phật. Quả thật là chướng ngại, quả thật là rắc rối. Nhưng đức Phật nói rằng, nếu không có bậc thiện tri thức là Đề-bà-đạt-đa thì ngài không thể thành tựu quả Phật viên mãn. Sở dĩ ngài có thể thành Phật chính là nhờ có sự giúp đỡ hỗ trợ của Đề-bà-đạt-đa, giúp thành tựu cho ngài.

Còn Đề-bà-đạt-đa thì đã堕 vào địa ngục. Vì sao vậy? Vì gây chướng ngại cho Phật pháp, vì phá hoại Phật. Đức Phật Thích-ca đã sai một vị đại đệ tử có thần thông là ngài Mục-kiền-liên đến địa ngục để thăm hỏi Đề-bà-đạt-đa. Ngài nhìn thấy Đề-bà-đạt-đa tại địa ngục mà được hưởng thụ sung sướng, thư thái như trên cõi trời. Do tội phi báng Phật, hủy hoại Chánh pháp nên ông phải chịu堕 vào địa ngục, nhưng phước báo của ông rất lớn nên ông được hưởng thụ. Ông hỗ trợ giúp đỡ cho đức Thích-ca Mâu-ni thành Phật, công đức ấy hết sức lớn lao, phước báo ấy hết sức lớn lao. Cho nên một mặt ông phải堕 vào địa ngục, mặt khác lại được hưởng thụ phước báo. Quý vị thấy đó, quả báo là không thể nghĩ

bàn. Đề-bà-đạt-đa cố theo hại người, rốt lại người không hề bị hại mà ngược lại thành hỗ trợ giúp đỡ người ấy thành Phật. Do tâm xấu ác hại người nên phải đọa địa ngục, nhưng hỗ trợ giúp đỡ người khác thành Phật được phước lớn, nên dù ở trong địa ngục mà được hưởng phước, sung sướng thư thái không khác gì cõi trời.

Quý vị xem đó thì biết, chẳng phải chúng sinh pháp cũng nhiệm mầu lắm sao? Ví như khi có người xấu ác như vậy khởi tâm gây chướng ngại cho Phật, nếu Phật cũng khởi tâm sân hận, “người gây chướng ngại cho ta, ta nhất định sẽ trả thù người”, như vậy thì Đề-bà-đạt-đa phải đọa địa ngục, mà Phật Thích-ca Mâu-ni cũng phải đọa địa ngục chịu tội.

Quý vị nên biết rằng, một người trong quý vị được thành tựu thì mọi người cũng đều thành tựu; một người trong quý vị đọa lạc thì hết thảy mọi người cũng đều đọa lạc. Quý vị ngầm nghĩ xem, ý nghĩa như vậy là hợp lý hay không hợp lý? Đức Phật là người giảng rõ lý, chẳng phải người không giảng lý. Nên quý vị nghĩ kỹ sẽ thấy đó là điều hợp lý. Vì hợp lý nên mới có chuyện như vậy xảy ra, đó là quy tắc hỗ trợ giúp đỡ, thành tựu sự tu tập.

Cho nên trong phẩm Pháp sư [của kinh Pháp Hoa này], đức Phật dạy rằng, nếu một người tu có thể hành trì theo ba quy tắc này, gìn giữ đúng ba quy tắc này, sau đó lại tu tập bốn pháp trong phẩm An lạc hạnh, thì người ấy dù ở trong bất kỳ cảnh giới nào cũng có thể tùy theo tâm nguyện mà đạt được mọi điều; tất cả chướng ngại, tai nạn đều tự nhiên tiêu trừ.

Có thể thấy rằng hết thảy các pháp đều là mầu nhiệm, chỉ do nơi chúng ta tự mình thông đạt được ý nghĩa đó. Khi rơi vào trong mọi hoàn cảnh, cảnh giới, đều phải biết vận dụng tâm, như vậy thì không một pháp nào là không mầu nhiệm.

Về sự cảm ứng nhiệm mầu (cảm ứng diệu), chúng ta tạm gác lại để giảng trong phần về phẩm Phổ môn.

Về thần thông nhiệm mầu (thần thông diệu), được nói đến ở trang 138, hàng thứ tư. Trong hàng này chúng ta đọc thấy: “Thứ bảy là thần thông nhiệm mầu. Thần là khó suy lường, thông là không ngăn ngại.”

Quý vị ghi nhớ được hai câu này thì rất tốt. Bởi vì có rất nhiều người nhầm lẫn về hai chữ thần thông, hiểu sai ý nghĩa của hai chữ này, nên câu vừa rồi đã giải thích rất chính xác.

Thế nào là thần? Đó là siêu việt những hiểu biết thông thường của chúng ta, cho nên nói là không thể nghĩ bàn. Thông nghĩa là thông đạt, không ngăn ngại. Ý nghĩa là như vậy.

Về thuyết pháp nhiệm màu (thuyết pháp diệu), đó là đặc biệt ngợi khen xưng tán bộ kinh này. Đức Phật tại pháp hội Pháp Hoa này chỉ rõ chỗ quyền biến, hiển bày lẽ chân thật, rồi bác bỏ pháp quyền biến, xác lập pháp chân thật, tất cả đều là thuyết giảng những lời chân thật. Trong quá khứ, có rất nhiều cảnh giới đức Phật chỉ vì tùy thuận chúng sinh mà giảng nói, còn trong Pháp hội Pháp Hoa này thì hoàn toàn thuyết giảng cảnh giới mà đức Phật đã tự thân chứng nghiệm. Đó là sự nhiệm màu của việc thuyết pháp, cho nên kinh này được gọi là kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Về quyền thuộc nhiệm màu (quyển thuộc diệu), từ chỗ khởi đầu phần này đề cập đến Đề-bà-đạt-đa, ở hàng cuối cùng của trang 139. Chúng ta xem đến câu “ứng sinh quyển thuộc” rất hay, nằm trong hàng thứ ba từ bên trái sang. Đây là tiểu đoạn thứ năm trong phần này. “Ứng sinh quyển thuộc”, ứng có nghĩa là ứng hóa. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức Phật khi mới nhập thai.” Đức Phật muốn sinh vào cõi nhân gian như chúng ta thì ngài cũng phải nhập thai, cũng phải giống như chúng ta, không thể khác. “Các bậc đại sĩ pháp thân theo hầu [Phật] cũng hạ sinh.” Cho nên có câu rằng: “Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ.” Các vị Phật cùng với Đại Bồ Tát ấy đều phát tâm hỗ trợ, giúp đỡ đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong việc hoằng pháp, làm lợi ích cho chúng sinh, nên đến làm quyển thuộc của ngài. Bởi vậy nên các ngài đều hạ sinh [nhân gian], chia nhau nhập thai ở nhiều nơi. Cũng có người sinh ra làm kẻ oán cừu trong thân tộc, làm anh em với đức Phật Thích-ca, như Đề-bà-đạt-đa là anh em chú bác với Phật, nhưng lại làm kẻ oan gia cừu oán. Kỳ thật hết thảy đều là chư Phật, Bồ Tát hóa thân, không phải thực sự như vậy. Làm gì có kẻ là oan gia thực sự [đối với Phật]?

“Dẫn dắt các nghiệp”, như trong các đệ tử [Phật] có nhóm Lục quần tỳ-kheo, họ đâu phải là những kẻ thực sự xấu ác, chỉ là thị hiện mà thôi. Cũng giống như mọi người cùng nhau thực hiện [một chương trình] xưng tụng đức Phật Thích-ca Mâu-ni, quý vị xướng lên một tiết mục chính, rồi mọi người chúng ta cùng đóng góp thêm các tiết mục phụ trợ, như vậy là thành ra một chương trình trọn vẹn đầy đủ, khi biểu diễn có đủ các âm thanh, màu sắc. Việc này cũng là như vậy.

Ví như vua Tịnh Phạn và phu nhân Ma-da, [thị hiện] là cha mẹ của Phật, chính thật là cha mẹ của ngàn vị Phật. La-hầu-la [thị hiện] là con Phật Thích-ca, chính thật là con của ngàn vị Phật, Đề-bà-đạt-đa [thị hiện như kẻ oán cừu,] chính thật là thiện tri thức của Phật. Chư vị Thanh văn, bên trong đều ẩn tàng đại hạnh Bồ Tát, bên ngoài hiện tướng Thanh văn, cũng đều là như vậy. Những quyển thuộc như thế đều vây quanh [đức Phật Thích-ca]. Đó là quyển thuộc nhiệm màu.

Hết thầy đều là để giáo hóa chúng ta. Đức Phật tại đó giáo hóa chúng ta, đại chúng vây quanh Phật ai ai cũng đều là bậc thiện tri thức, đều là thầy dạy của chúng ta. Chúng ta quan sát hành trạng của các vị ấy đều có thể thực sự giác ngộ được ý nghĩa về nhân sinh, vũ trụ.

Phần tiếp theo giảng về công đức lợi ích nhiệm mầu (công đức lợi ích diệu). Công đức như vậy nhất định là chân thật.

Tiếp theo giảng đến ý nghĩa bản môn. Phần này rất dài, chúng ta chỉ xem đến chỗ “bản lợi ích diệu” ở trang 143, hàng thứ nhất. Trong sách nói: “Ngày nay được thành thực là nhờ lợi ích trùng tuyên [giáo pháp] vào thời đức Phật Đại Thông.” Hôm nay tôi chỉ giảng với quý vị một câu này, đặc biệt nhắc nhở quý vị về lợi ích của việc giảng lại hay trùng tuyên giáo pháp.

Đây là kể chuyện của chính bản thân đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vào lúc ngài phát tâm học Phật cách đây vô lượng kiếp. Khi ấy có một vị Phật hiệu là Như Lai Đại Thông. Khi ấy, [tiền thân của] Phật Thích-ca là một vị vương tử trong số 16 vương tử. Sau mỗi lần nghe Phật Đại Thông giảng kinh, ngài đều trùng tuyên, giảng lại [cho người khác nghe].

Cho nên, các vị pháp sư trong Phật giáo đều là xuất thân từ việc trùng tuyên giáo pháp. Việc trùng tuyên này không phải do người Trung quốc phát minh hay đề xướng mà vốn đã có từ rất lâu rồi. Vào thời đức Như Lai Đại Thông đã có việc trùng tuyên. Tại Trung quốc, trong các tự viện thời quá khứ gọi việc trùng tuyên này là “giảng tiêu tòa”. Do vậy, các vị pháp sư trong Phật giáo đều dùng phương cách này để rèn luyện, bồi dưỡng năng lực [thế hệ tiếp theo]. Vì trước đây không hề có các Phật học viện hay trường Phật học. Khi một vị pháp sư giảng kinh, vị ấy sẽ tìm trong thính chúng để chọn ra một người sẵn có năng khiếu, có chí nguyện, tức là người muốn trở thành pháp sư trong tương lai, muốn hoằng pháp lợi sinh, muốn thuyết giảng giáo pháp.

Khi một người có chí nguyện như vậy, vị pháp sư nhất định sẽ mời người ấy ra giảng pháp, giao cho người ấy việc trùng tuyên, giảng lại, gọi là “giảng tiêu tòa”. Ví dụ như buổi sáng tôi giảng qua một đoạn kinh văn thì người trùng tuyên, giảng lại phải hết sức chú tâm lắng nghe. Vì sao vậy? Vì đến sau giờ ngọ thì người ấy sẽ phải giảng lại đoạn kinh ấy cho mọi người nghe. Những người không phải giảng lại thì khi nghe giảng kinh, đại khái chỉ có thể nghe hiểu được vài ba phần. Vì sao vậy? Vì họ không chú tâm. Còn người có trách nhiệm giảng lại ắt phải nghe hiểu được đến năm, sáu phần. Vì sao vậy? Vì sau giờ ngọ sẽ phải lên pháp

tòa giảng lại, nên không thể không chú tâm lắng nghe. Cho nên sự chú tâm của hai người không giống nhau.

Trong quá khứ, khi tôi theo học với Lý lão sư tại Đài Trung, những người theo học giảng kinh đều ngồi ở hàng đầu tiên, được gần lão sư nhất. Bởi vì thời ấy tuy có hệ thống khuếch âm nhưng chưa có máy ghi âm, cần được ngồi gần để nghe cho thật rõ, hết sức chú tâm lắng nghe. Vì sao vậy? Vì qua ngày sau hoặc ngày sau nữa phải lên pháp tòa giảng lại. Đó là từ việc giảng lại như thế mà trở thành pháp sư. Các vị pháp sư giảng kinh ở Đài Loan đều là xuất thân từ việc trùng tuyên, giảng lại như vậy.

Có một lần pháp sư Diển Bồi về nước, một vị cư sĩ đưa ngài đi ngoạn cảnh ở Ô Lai, có mời tôi cùng đi. Khi ngồi cùng nhau, chúng tôi trò chuyện, nói đến tình hình các Phật học viện khi ấy. Pháp sư nhắc đến Phật học viện thì lắc đầu ngao ngán. Pháp sư kể rằng, ngài xuất thân từ việc trùng tuyên tại Pháp tòa của Lão pháp sư Đế Nhân, tức là được giao việc giảng lại. Nền tảng Phật học căn bản của ngài được thiết lập từ đó. Vào thời ấy, pháp sư còn rất trẻ tuổi. Ngài xuất gia năm mười mấy tuổi, lúc còn làm sa-di đã tỏ ra cực kỳ thông minh, pháp sư Đế Nhân rất hài lòng với ngài. Khi Lão pháp sư Đế Nhân viên tịch, ngài tiếp tục theo học với pháp sư Đàm Hư. Cho nên, các vị pháp sư ấy đều xuất thân từ việc trùng tuyên, giảng lại giáo pháp.

Phương pháp [trùng tuyên] này ngày nay người ta không muốn học theo, cho rằng đã quá cổ xưa, đã quá lạc hậu, cần phải sử dụng những phương pháp mới. Nhưng phương pháp mới không đào tạo ra được nhân tài [như vậy].

Phương pháp trùng tuyên từ thời đức Như Lai Đại Thông truyền cho đến thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni, rồi từ đức Phật Thích-ca Mâu-ni có thể nói là truyền đến thế hệ của tôi trở về trước, hết thảy đều vận dụng phương pháp này mà thành tựu. Ngày nay các Phật học viện xây dựng lên rất nhiều, nhưng Phật học viện đào tạo ra được bao nhiêu vị pháp sư? Lý lão sư tại Đài Trung vận dụng phương pháp trùng tuyên, giảng lại này để giáo dục đào tạo, trong khoảng vài năm đã đào tạo được hơn hai mươi người. Hơn hai mươi người này đều có khả năng lên tòa thuyết pháp, giảng kinh. Tôi chưa thấy Phật học viện nào trong khoảng hai năm có thể đào tạo được nhiều người như vậy.

Cho nên chúng ta phải xem trọng phương pháp trùng tuyên, giảng lại, thì mới có thể lưu hành rộng giáo pháp. Phẩm kinh “Quán Thế Âm Phổ Môn” chính là [mang ý nghĩa] hoằng pháp, lưu hành rộng rãi giáo pháp, đó mới là lợi ích chân chánh.

Tiếp theo chúng ta đọc trọn câu: “Nên việc chúng sinh nhiều như số cát của sáu trăm tám mươi vạn ức con sông Hằng đều được lợi ích, lẽ nào lại không có nhân duyên từ đời trước? Nếu không được lợi ích thì sao người trùng tuyên giáo pháp lại được độ thoát? Cho nên biết rằng, đời nay được lợi ích, còn đời ngày sau sẽ được thành thực. Huống chi đời sau đã được lợi ích, lẽ nào không có lúc sẽ được thành thực hay sao? Cứ như vậy, chư Phật ba đời làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh.”

[Phần cuối dùng chữ “ích vật” (益物)] là nói lợi ích cho hết thảy chúng sinh trong 9 pháp giới. Nếu nói chỉ là người, thì không bao quát được chư thiên cõi trời, không bao quát được chúng sinh trong ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cho nên chữ “vật” (物) là dùng để chỉ tất cả chúng sinh hữu tình trong 9 pháp giới, bao quát hết thảy trong một chữ này. “Sự giáo hóa tiếp nối không dứt, đó là lợi ích nhiệm mầu.”

Cho nên, quý vị phát tâm chân chánh thì nhất định phải học giảng kinh. Muốn học giảng kinh thì phải bắt đầu từ việc trùng tuyên, giảng lại. Trước hết phải học cách giảng lại [những điều vừa được nghe].

Phần dưới giảng về “liên hoa”, tức là hoa sen. Dùng hoa sen làm tỉ dụ so sánh. Trong phần chú giải nói rất rõ ràng, ở đây tôi lược bớt, chỉ giảng một phần.

Phần đầu tiên trong đồ biểu giảng giải chỉ nêu đơn giản, [hoa sen là] tỉ dụ cho giáo pháp nhiệm mầu (diệu pháp). Hoa sen là biểu trưng cho nhân quả đồng thời, vào lúc hoa sen vừa nở ra thì bên trong đã sẵn có hạt sen, lấy ý nghĩa “nhân đầy đủ sẵn quả lớn lao, quả thấu triệt tiếp nối nhân không dứt”. Cho nên dùng tỉ dụ này, ý nghĩa này để so sánh với giáo pháp nhiệm mầu.

Một chữ “kinh” (經) có đủ bốn nghĩa: quán, nhiếp, thường, pháp (貫攝常法). Ý nghĩa là như vậy. Bốn chữ này trong kinh điển Đại thừa nào cũng có chú giải, quý vị xem qua ắt sẽ hiểu rõ.

Đến đây đã giới thiệu qua với quý vị một cách đơn giản về đề kinh. Bên dưới tiếp tục đề cập đến các vấn đề thừa nhiếp, giáo thể, tông thú của kinh. Chỗ này lẽ ra phải được thể hiện tương ứng [trong đồ biểu giải thích], nhưng người vẽ đã bỏ sót vì không hiểu rõ.

Đoạn này tôi hy vọng quý vị tự đọc qua, tôi không cần phải giảng. Tôi chỉ nêu ra với quý vị về cương lĩnh cốt yếu, quý vị đem những ý nghĩa sâu xa huyền diệu đối chiếu [với cương lĩnh ấy] thì có thể thấu hiểu rõ ràng. Những câu nêu ra đều là được trích từ ý nghĩa sâu xa huyền diệu của kinh. Hay nói cách khác, đó

đều là những câu quan trọng thiết yếu nhất trong ý nghĩa huyền diệu của kinh văn. Quý vị không ghi nhớ được hết ý nghĩa huyền diệu của kinh văn thì ghi nhớ những câu nêu ra đó cũng tốt rồi.

[Trong buổi giảng] tôi nay, tôi sẽ giới thiệu với quý vị về tiêu đề của phẩm kinh, đó là đi vào kinh văn. Trong quyển hạ [của sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành], chúng ta sẽ lấy phẩm Phổ Môn làm trung tâm, quyển thượng có thể không dùng đến nữa.